

Bản án số: 21/2021/HS-ST

Ngày 14-4-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vi Văn Cẩm.

Ông Lương Khăm Niên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Phương Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐ-HPT ngày 01 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Q C L.**

Sinh ngày 03 tháng 6 năm 1990. Tại huyện T D, tỉnh Nghệ An

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: B P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Trình độ văn hoá: 10/12

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Quang Văn Khoánh, sinh năm 1968 và con bà Lô Thị Kiều, sinh năm 1971.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 16/5/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 25/3/2020 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Bị bắt tạm giam từ ngày 14/01/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Hoàng Thị Hà – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt

**- Bị hại:**

+ Ông V V Đ, sinh năm 1965. Trú tại: B P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 12/01/2021, sau khi làm việc xong ông V V Đ để máy vi tính hiệu ASUS A566 có đặc điểm màu đen, lưng màn hình có dòng chữ ASUS màu trắng ở ngay giữa trung tâm, có những đường sáng bóng hướng vào dòng chữ ASUS của ông tại bàn làm việc ở phòng khách của gia đình rồi đi vào buồng để ngủ. Lúc này, vợ ông Đ là bà V Th V đưa con trai là anh V V D đi bắt xe ra Hà Nội. Khi đi, bà V chỉ khép một cánh cửa chính cánh còn lại để mở, cánh cửa ngoài cổng không đóng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Q C L điều khiển xe mô tô Yamaha Jupiter biển kiểm soát 37L8 -0158 đến nhà ông Đ để rủ anh Vi Văn Dậu đi chơi. Khi đến, thấy cửa mở nên L đi vào nhà. Khi đi vào nhà không thấy ai ở nhà và thấy chiếc máy tính ASUS A556 để trên bàn uống nước tại phòng khách nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Q C L đã lén lút lấy chiếc máy tính đang để trên bàn rồi ra xe đưa về nhà. Sau đó, L đã bán máy tính trộm được cho một người đàn ông lạ mặt tại bản Bà, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An với giá 600.000đ. Số tiền bán máy tính Q C L đã tiêu sài cá nhân hết. Đến sáng ngày 13/01/2021 khi ngủ dậy thì ông Đ mới phát hiện mất máy vi tính ASUS.

Ngày 13/01/2021 ông V V Đ đã viết đơn trình báo sự việc bị mất trộm máy tính ASUS A556 với những đặc điểm nêu trên gửi ban công an xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Ngày 14/01/2021, Q C L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An đầu thú và khai nhận về hành vi trộm cắp máy tính của ông Vi V V Đ.

Kết luận định giá tài sản số 08/KLĐG ngày 18/01/2021 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện T D, tỉnh Nghệ An kết luận: Tại thời điểm mất trộm, chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu ASUS A556, đã qua sử dụng có giá trị 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-TD ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố Q C L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt

bị cáo: Q C L mức án từ 09 đến 15 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; Miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Đề xuất áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được mức án thấp nhất như lời đề nghị của Kiểm sát viên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông V V Đ yêu cầu bị cáo Q C L bồi thường số tiền 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng trước Hội đồng xét xử vào phòng nghị án bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để nhanh chóng trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Q C L đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 12/01/2021, tại nhà ông V V Đ ở B P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Q C L đã có hành vi lợi dụng sơ hở của gia đình ông V V Đ đã lén lút trộm cắp 01 chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu ASUS A556, màu đen. Tại thời điểm bị mất trộm chiếc máy tính có giá trị 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) của ông V V Đ. Hành vi bị cáo đã thực hiện, trị giá tài sản bị chiếm đoạt đã cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Chính vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố bị cáo Q C L theo tội danh và Điều luật, viện dẫn ở trên là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là vì vụ lợi cá nhân. Do đó cần phải áp dụng hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật và cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình gây ra, bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt thể hiện sự khoan hồng của nhà nước ta mà cải tạo mình thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án:

+ Chiếc máy vi tính hiệu ASUS A566 thuộc sở hữu của ông V V Đ, Q C L đã bán cho người đàn ông không quen biết hiện không thu hồi được.

+ Đối với chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter biển kiểm soát 37L8 -0158 thuộc sở hữu của ông Q V Kh (Sinh năm 1968; trú tại B P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An- bố đẻ của L) là phương tiện Q C L sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp máy tính của ông V V Đ. Do ông Khoánh không biết Q C L sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên chiếc xe đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T D trả lại cho ông Quang Văn Kh.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự lẽ ra cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, song xét thấy bị cáo là đối tượng không có việc làm ổn định có hoàn cảnh gia đình khó khăn, khó có khả năng thi hành nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo đúng quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

- Tuyên bố bị cáo Q C L phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;
- Xử phạt: **Q C L 01 (Một) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2021.
- Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Q C L phải bồi thường cho Ông V V Đ, Trú tại: B P, xã L K, huyện T D, Tỉnh Nghệ An số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).
- Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Q C L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 14/4/2021. Bị hại có quyền kháng có bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKS H. T D;
- Công an T D;
- Bị cáo, Trại tạm giam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Bị hại; Người bào chữa;
- UBND xã L K;
- Sở Tư Pháp Nghệ An;
- Chi cục THADS T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

## **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Cường**